

Bản án số: **04/2020/KDTM-ST**

Ngày: 22 - 9 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Quyết và bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-KDTM ngày 25/3/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-KDTM ngày 25/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-KDTM ngày 24/7/2020, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 08/TB-TA ngày 14/8/2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần T.** Trụ sở: Số X, đường Y, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Văn N - Sinh năm 1998 - Địa chỉ: Số F, đường E, thành phố B, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Có mặt*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* ông Trần Nhật M - Luật sư Công ty luật TNHH MTV NM và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. *Có mặt*

\* *Bị đơn:* **Công ty TNHH một thành viên H.** Trụ sở: số R, đường W, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: ông Trần Viết S - Chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngày 01/8/2007 và ngày 22/4/2008, Công ty cổ phần T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH một thành viên H (gọi tắt là Công ty H) đã ký kết các Hợp đồng kinh tế số 33/HĐKT và Hợp đồng kinh tế số 20/HĐKT về việc Công ty T cung ứng dịch vụ bốc xếp tại bãi cầu T cho Công ty H và cho phép Công ty H sử dụng điện, nước sinh hoạt, sản xuất thông qua hệ thống điện và hệ thống đường nước của Công ty T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo dõi chiếu công nợ, tính đến ngày 05/01/2012 Công ty H còn nợ Công ty T số tiền 175.450.639đ. Từ đó cho đến nay, hàng năm Công ty T đều nhắc nợ nhưng Công ty H vẫn không thanh toán số tiền trên đây.

Vì vậy ngày 04/3/2020, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải trả cho Công ty T số tiền 292.417.732đ, trong đó tiền nợ theo hợp đồng là 175.450.639đ, tiền lãi tính đến ngày 03/3/2020 là 116.967.093đ

Tại phiên tòa, đại diện của Công ty T yêu cầu Tòa án buộc Công ty H trả cho Công ty T tổng số tiền 381.605.139đ; trong đó, tiền nợ theo hợp đồng chưa thanh toán là 175.450.639đ, tiền lãi tính đến ngày xét xử là 206.154.500đ.

\* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã có ý kiến thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 33/HĐKT ngày 01/8/2007, Hợp đồng kinh tế số 20/HĐKT ngày 22/4/2008; thừa nhận Công ty H còn nợ Công ty T số tiền chưa thanh toán là 175.450.639đ; đối với tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, Công ty H đồng ý trả 25.000.000đ.

\* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - ông Trần Nhật Nam trình bày luận cứ bảo vệ, cho rằng việc khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các quy định tại Điều 85 và 306 Luật thương mại 2005 nên đề nghị Hội đồng xét xử vào chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H thanh toán cho Công ty T số tiền nợ theo hợp đồng chưa thanh toán 175.450.639đ, tiền lãi 206.154.500đ, tổng cộng là 381.605.139đ.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến, nhận định việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 85 và Điều 306 Luật thương mại 2005 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **\* Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với bị đơn là Công ty TNHH một thành viên H có trụ sở tại số R, đường W, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng Công ty TNHH một thành viên H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **\* Về nội dung vụ án:**

[1] Đối với Hợp đồng kinh tế số Hợp đồng kinh tế số 33/HĐKT ngày 01/8/2007 và Hợp đồng kinh tế số 20/HĐKT ngày 22/4/2008: việc ký kết hợp đồng giữa Công ty T và Công ty H tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên hợp đồng được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

[2] Xét yêu cầu cụ thể của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Công ty H thanh toán cho nguyên đơn là Công ty T số tiền nợ hợp đồng chưa thanh toán là 175.450.639đ, thấy rằng:

Theo Hợp đồng kinh tế số Hợp đồng kinh tế số 33/HĐKT ngày 01/8/2007 và Hợp đồng kinh tế số 20/HĐKT ngày 22/4/2008; Các biên bản đối chiếu công nợ được lập vào ngày 05/01/2012, ngày 01/01/2015, ngày 01/01/2016, ngày 01/01/2017, ngày 01/01/2018, ngày 01/01/2019 và lời trình bày của các bên; có đủ căn cứ để xác định Công ty H còn nợ Công ty T số tiền chưa thanh toán là 175.450.639đ.

Tại khoản 3 Điều III của Hợp đồng kinh tế số 33/HĐKT ngày 01/8/2007 đã ghi nhận *“phương thức thanh toán: vào ngày 25 hàng tháng”* và tại mục 3.1 khoản 3 Điều III của Hợp đồng kinh tế số 20/HĐKT ngày 22/4/2008 các bên đã thỏa thuận về phương thức thanh toán *“vào ngày 25- 30 hàng tháng hai bên sẽ đối chiếu công nợ của tháng . Bên A có trách nhiệm thanh toán ... chậm nhất sau 05 ngày của tháng sau”*

Như vậy việc Công ty H không thanh toán nợ phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cho Công ty T mà không có lý do là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận ký kết giữa hai bên nên yêu cầu buộc Công ty H phải trả số tiền nợ hợp đồng chưa thanh toán của Công ty T hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 85 Luật thương mại năm 2005.

[3] Xét yêu cầu buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh 206.154.500đ, thì thấy:

Tại phiên tòa, Công ty T xác định mức lãi suất áp dụng và số tiền lãi cụ thể yêu cầu bị đơn thanh toán là:  $175.450.639đ \times 10\%/năm \times 150\% \times 94 \text{ tháng} = 206.154.500đ$

Xét thấy từ năm 2012 đến ngày xét xử, Công ty H không thanh toán cho Công ty T số tiền nợ 175.450.639đ phát sinh từ hợp đồng là đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán trong thời gian hơn 104 tháng, do đó yêu cầu tính lãi của Công ty T hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 cũng như thỏa thuận của các bên tại mục 3.2 khoản 3 Điều III của Hợp đồng kinh tế số 20/HĐKT ngày 22/4/2008 *“sau 05 ngày kể từ ngày bên A nợ quá hạn quy định tại điều III khoản 3.1 ... bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B tiền gốc và lãi theo tỷ lệ lãi suất vay quá hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán”*.

Qua xác minh thực tế về lãi suất tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và các ngân hàng khác, mức lãi suất nguyên đơn đã yêu cầu là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về nội dung giải quyết vụ án, điều luật áp dụng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc Công ty H phải trả cho Công ty T số tiền 381.605.139đ; trong đó tiền nợ theo hợp đồng chưa thanh toán là 175.450.639đ, tiền lãi tính đến ngày xét xử là 206.154.500đ.

Kể từ ngày Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty H còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

[6] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Mức án phí cụ thể mà Công ty H phải chịu:  $381.605.139\text{đ} \times 5\% = 19.080.256\text{đ}$ .

Hoàn trả cho Công ty T số tiền nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 243, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 85 và 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH một thành viên H phải trả cho Công ty cổ phần T số tiền: 381.605.139đ (Ba trăm tám mươi một triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, một trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty H còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

**2.** Buộc Công ty H phải chịu 19.080.256đ (Mười chín triệu, không trăm tám mươi ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T số tiền 7.310.000đ (Bảy triệu ba trăm mười ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 1866 ngày 17/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**DƯƠNG THỊ THÁI**

